

Số: **1109** /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày **09** tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung và phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Kết luận số 264-KL/ĐU ngày 30/8/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh thống nhất về chủ trương đối với nội dung số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung và phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị địa phương thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 2166/TTr-STC ngày 26 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập, Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Văn phòng Đảng ủy cấp xã, Văn phòng HĐND và UBND cấp xã.

(Chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm)

Điều 2. Phê duyệt số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12-16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ (được sửa đổi tại khoản 3, Điều 1, Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên.

(Chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm)

Điều 3. Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập, Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Văn phòng Đảng ủy cấp xã, Văn phòng HĐND và UBND cấp xã: Theo phương thức quản lý trực tiếp.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có tên tại Điều 1, Điều 2 và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.Anhhtm

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Hoàng Sơn

Phụ lục 01:
PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG CỦA
CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG THUỘC PHẠM VI
QUẢN LÝ CỦA TỈNH THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Quyết định số **4109**/QĐ-UBND ngày **09**/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Đơn vị	Số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung (chiếc)
	TỔNG CỘNG	363
A	Xe ô tô phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh	169
I	Khối Văn phòng cấp tỉnh	21
1	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	10
2	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	11
2.1	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	10
2.2	Trung tâm thông tin	1
II	Khối sở, ban, ngành	127
1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	21
1.1	Văn phòng Sở	4
1.2	Chi cục Kiểm lâm	1
1.3	Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	1
1.4	Chi cục Thủy lợi và Phòng, chống thiên tai	1
1.5	Chi cục Chăn nuôi thú y và Thủy sản	1
1.6	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	1
1.7	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản	1
1.8	Chi cục Bảo vệ môi trường	1
1.9	Ban Quản lý rừng đặc dụng phòng hộ	1

STT	Đơn vị	Số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung (chiếc)
1.10	Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn	1
1.11	Trung tâm Khuyến nông và Môi trường	1
1.12	Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và Môi trường	1
1.13	Trung tâm Công nghệ thông tin Nông nghiệp và Môi trường	1
1.14	Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường	2
1.15	Văn phòng Đăng ký đất đai	2
1.16	Quỹ Bảo vệ môi trường	1
2	Sở Khoa học và Công nghệ	5
2.1	Văn phòng Sở	3
2.2	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Nguyên	1
2.3	Trung tâm phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên	1
3	Sở Công Thương	6
3.1	Văn phòng Sở	2
3.2	Chi cục Quản lý thị trường	2
3.3	Trung tâm Xúc tiến Thương mại	1
3.4	Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp	1
4	Sở Y tế	42
4.1	Văn phòng Sở	3
4.2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên	1
4.3	Trung tâm pháp Y tỉnh Thái Nguyên	1
4.4	Trung tâm giám định Y khoa tỉnh Thái Nguyên	1

STT	Đơn vị	Số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung (chiếc)
4.5	Trung tâm Kiểm soát dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm và thiết bị y tế	1
4.6	Trung tâm Điều dưỡng và Phục hồi chức năng tâm thần kinh	1
4.7	Bệnh viện Phổi tỉnh Thái Nguyên	1
4.8	Bệnh viện Sức khỏe tâm thần	1
4.9	Bệnh viện Mắt	1
4.10	Bệnh viện Phú Bình	1
4.11	Bệnh viện đa khoa Bắc Kạn	1
4.12	Bệnh viện A	2
4.13	Bệnh viện C	2
4.14	Bệnh viện Gang Thép	2
4.15	Bệnh viện Y học cổ truyền	1
4.16	Bệnh viện Phục hồi chức năng	1
4.17	Bệnh viện Đại Từ	1
4.18	Bệnh viện Định Hóa	1
4.19	Trung tâm Y tế Thái Nguyên	1
4.20	Trung tâm Y tế Sông Công	1
4.21	Trung tâm Y tế Phổ Yên	1
4.22	Trung tâm Y tế Phú Bình	1
4.23	Trung tâm Y tế Đại Từ	1
4.24	Trung tâm Y tế Định Hóa	1
4.25	Trung tâm Y tế Võ Nhai	1
4.26	Trung tâm Y tế Đồng Hỷ	1

STT	Đơn vị	Số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung (chiếc)
4.27	Trung tâm Y tế Phú Lương	1
4.28	Trung tâm Y tế Bắc Kạn	1
4.29	Trung tâm Y tế Na Rì	1
4.30	Trung tâm Y tế Chợ Mới	1
4.31	Trung tâm Y tế Chợ Đồn	1
4.32	Trung tâm Y tế Bạch Thông	1
4.33	Trung tâm Y tế Ngân Sơn	1
4.34	Trung tâm Y tế Ba Bể	1
4.35	Trung tâm Y tế Pác Nặm	1
4.36	Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội	1
4.37	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp	1
5	Sở Nội vụ	7
5.1	Văn phòng Sở	4
5.2	Ban Thi đua – Khen thưởng	1
5.3	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	1
5.4	Trung tâm Dịch vụ việc làm	1
6	Sở Giáo dục và Đào tạo	10
6.1	Văn phòng Sở	4
6.2	Trường THPT Chuyên Bắc Kạn	1
6.3	Trường THPT Chuyên Thái Nguyên	1
6.4	Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập Bắc Kạn	1
6.5	Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập Thái Nguyên	1

STT	Đơn vị	Số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung (chiếc)
6.6	Trung tâm Giáo dục thường xuyên Thái Nguyên	1
6.7	Trung tâm Giáo dục thường xuyên Bắc Kạn	1
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	7
7.1	Văn phòng Sở	3
7.2	Bảo tàng tỉnh	1
7.3	Ban Quản lý các Khu Di tích Quốc gia đặc biệt	1
7.4	Trường Phổ thông năng khiếu thể dục thể thao	1
7.5	Trung tâm Khai thác, Xúc tiến phát triển du lịch	1
8	Sở Tài chính	5
8.1	Văn phòng Sở	4
8.2	Trung tâm Tư vấn và Xúc tiến đầu tư	1
9	Sở Xây dựng	10
9.1	Văn phòng Sở	4
9.2	Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới	1
9.3	Ban Quản lý bảo trì và tư vấn xây dựng giao thông tỉnh Thái Nguyên	2
9.4	Trung tâm Quản lý điều hành hoạt động xây dựng và giao thông vận tải	1
9.5	Viện Quy hoạch Xây dựng Thái Nguyên	1
9.6	Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng	1
10	Sở Tư pháp	5
10.1	Văn phòng Sở	3
10.2	Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Thái Nguyên	1
10.3	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Nguyên	1

STT	Đơn vị	Số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung (chiếc)
11	<i>Thanh tra tỉnh</i>	4
12	<i>Sở Dân tộc và tôn giáo</i>	2
13	<i>Ban Quản lý các Khu công nghiệp</i>	3
13.1	Văn phòng Ban Quản lý các Khu công nghiệp	2
13.2	Trung tâm Dịch vụ Khu công nghiệp	1
III	Khối Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Thái Nguyên và các đơn vị trực thuộc	6
1	<i>Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Thái Nguyên</i>	6
1.1	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Thái Nguyên	2
1.2	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh	1
1.3	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	1
1.4	Hội Nông dân tỉnh	1
1.5	Hội Cựu chiến binh	1
IV	Khối đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh	15
1	<i>Trường Cao đẳng Y tế</i>	2
2	<i>Trường Cao đẳng Thái Nguyên</i>	3
3	<i>Quỹ Phát triển đất</i>	2
4	<i>Trung tâm Phát triển quỹ đất</i>	7
4.1	Trung tâm Phát triển quỹ đất	1
4.2	Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực I	1
4.3	Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II	1
4.4	Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực III	1
4.5	Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực IV	1

STT	Đơn vị	Số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung (chiếc)
4.6	Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực V	1
4.7	Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực VI	1
5	<i>Ban Quản lý vườn quốc gia Ba Bể</i>	1
B	Xe ô tô phục vụ công tác chung của ban quản lý dự án	10
1	<i>Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Giao thông và Nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên</i>	6
1.1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Giao thông và Nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên	3
1.2	Ban Quản lý dự án số 01	1
1.3	Ban Quản lý dự án số 02	1
1.4	Ban Quản lý dự án số 04	1
2	<i>Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Giao thông và Nông nghiệp phía Bắc</i>	2
3	<i>Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp</i>	2
C	Xe ô tô phục vụ công tác chung của cấp xã	184
1	Văn phòng Đảng ủy cấp xã (92 đơn vị)	01 xe/đơn vị
2	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã (92 đơn vị)	01 xe/đơn vị

Phụ lục 02:

SỐ LƯỢNG XE Ô TÔ BÁN TẢI, XE Ô TÔ TỪ 12-16 CHỖ NGỒI PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG THEO KHOẢN 5, ĐIỀU 8, NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP NGÀY 26/9/2023 CỦA CHÍNH PHỦ (ĐƯỢC SỬA ĐỔI TẠI KHOẢN 3, ĐIỀU 1, NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2025/NĐ-CP NGÀY 15/6/2025 CỦA CHÍNH PHỦ) CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Quyết định số **1403/QĐ-UBND** ngày **09/9/2025** của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

ĐVT: chiếc

TT	Tên đơn vị	Số lượng			Ghi chú
		Tổng số	Xe bán tải	Xe ô tô 12 đến 16 chỗ ngồi	
<i>A</i>	<i>B</i>	$1=2+3$	2	3	4
	TỔNG CỘNG	42	41	1	
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	28	28		
1.1	Chi cục Kiểm lâm	24	24		
1.1.1	Chi cục Kiểm lâm	1	1		Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng
1.1.2	Đội KLCĐ&PCCCR số 01	1	1		
1.1.3	Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR số 02	1	1		
1.1.4	Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR số 03	1	1		
1.1.5	Hạt Kiểm lâm số 01	1	1		
1.1.6	Hạt Kiểm lâm số 02	1	1		
1.1.7	Hạt Kiểm lâm số 03	1	1		
1.1.8	Hạt Kiểm lâm số 04	1	1		
1.1.9	Hạt Kiểm lâm số 05	1	1		
1.1.10	Hạt Kiểm lâm số 06	1	1		
1.1.11	Hạt Kiểm lâm số 07	1	1		Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng
1.1.12	Hạt Kiểm lâm số 08	1	1		
1.1.13	Hạt Kiểm lâm số 09	1	1		

TT	Tên đơn vị	Số lượng			Ghi chú
		Tổng số	Xe bán tải	Xe ô tô 12 đến 16 chỗ ngồi	
1.1.14	Hạt Kiểm lâm số 10	1	1		
1.1.15	Hạt Kiểm lâm số 11	1	1		
1.1.16	Hạt Kiểm lâm số 12	1	1		
1.1.17	Hạt Kiểm lâm số 13	1	1		
1.1.18	Hạt Kiểm lâm số 14	1	1		
1.1.19	Hạt Kiểm lâm số 15	1	1		
1.1.20	Hạt Kiểm lâm số 16	1	1		
1.1.21	Hạt Kiểm lâm số 17	1	1		
1.1.22	Ban Quản lý rừng ATK Định Hoá	1	1		
1.1.23	Ban quản lý Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Nam Xuân Lạc	1	1		
1.1.24	Ban quản lý khu dự trữ thiên nhiên Kim Hỷ	1	1		
1.2	Chi cục Chăn nuôi thú y và Thủy sản	1	1		Thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp
1.3	Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ	1	1		Thực hiện nhiệm vụ phòng chống cháy rừng
1.4	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	1	1		Thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp
1.5	Trung tâm Khuyến nông và Môi trường	1	1		Thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp
2	Ban quản lý vườn quốc gia Ba Bể	1	1		Thực hiện nhiệm vụ phòng chống cháy rừng

TT	Tên đơn vị	Số lượng			Ghi chú
		Tổng số	Xe bán tải	Xe ô tô 12 đến 16 chỗ ngồi	
3	Sở Khoa học và Công nghệ	1	1		
	Trung tâm phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên	1	1		Thực hiện nhiệm vụ vận chuyển máy móc, thiết bị, mẫu thuộc lĩnh vực Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo
4	Sở Công Thương	11	11		
	Chi cục Quản lý thị trường	11	11		Thực hiện nhiệm vụ phục vụ hoạt động chống buôn lậu gian lận thương mại và hàng giả
5	Sở Nội vụ	1		1	
	Trung tâm Điều dưỡng người có công	1		1	Thực hiện nhiệm vụ phục vụ người có công